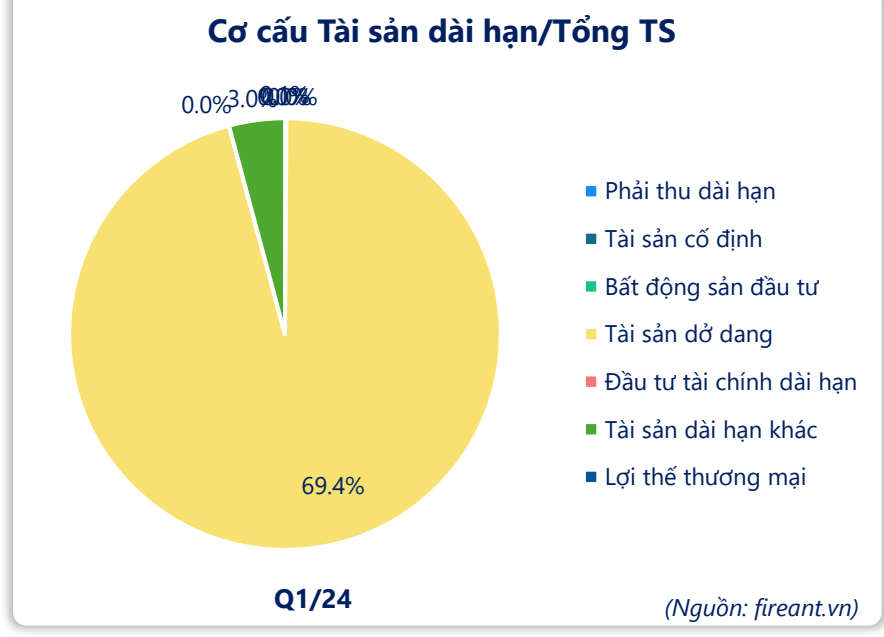
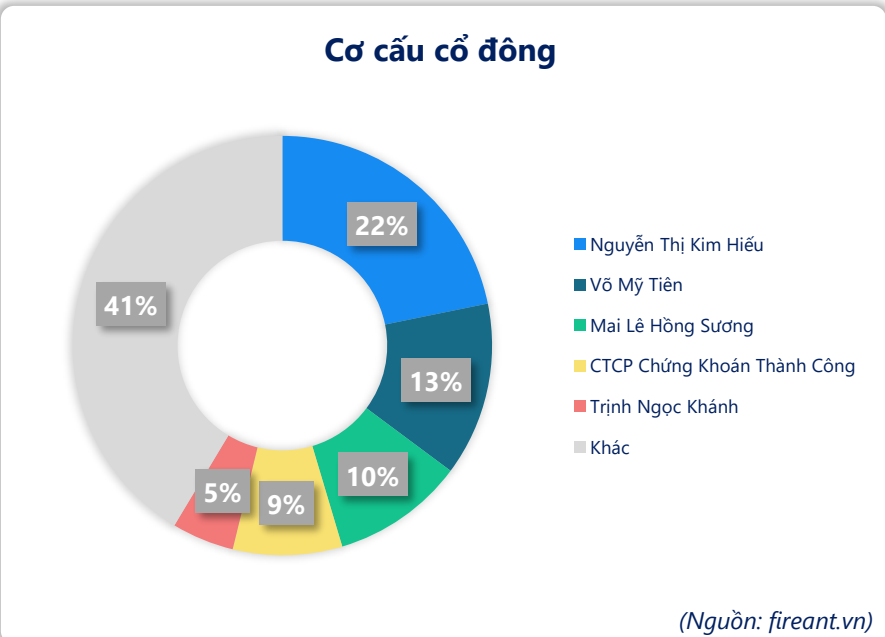
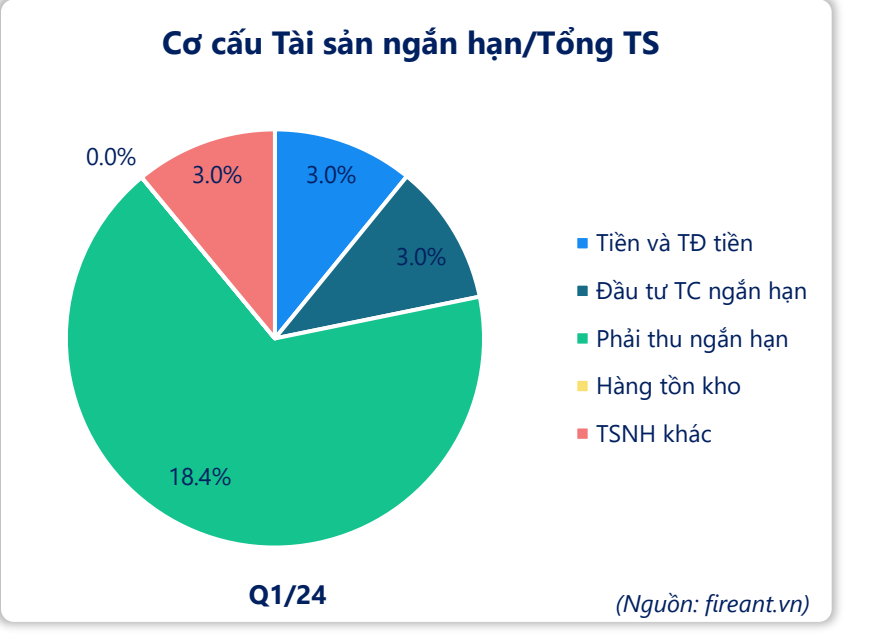
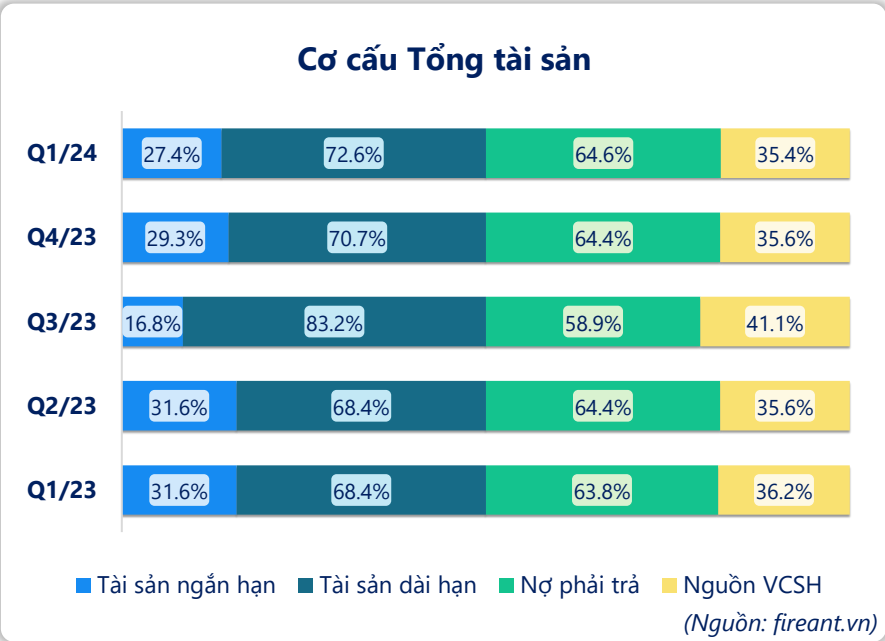
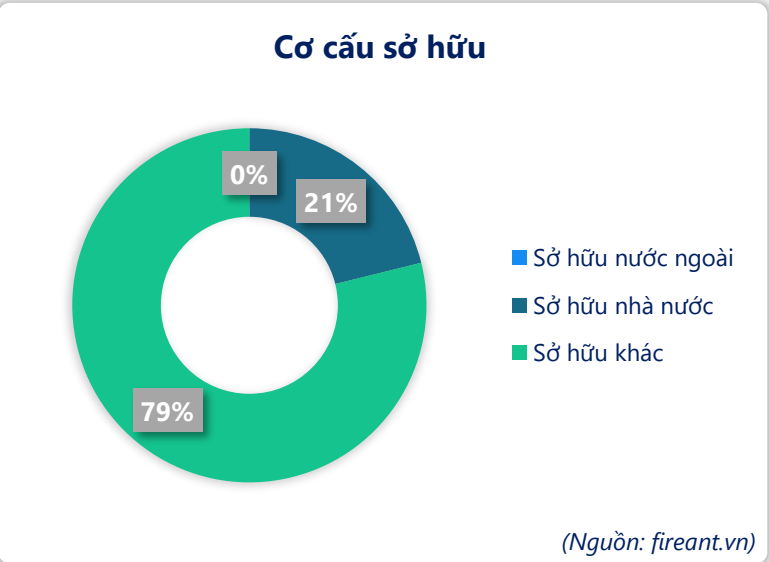
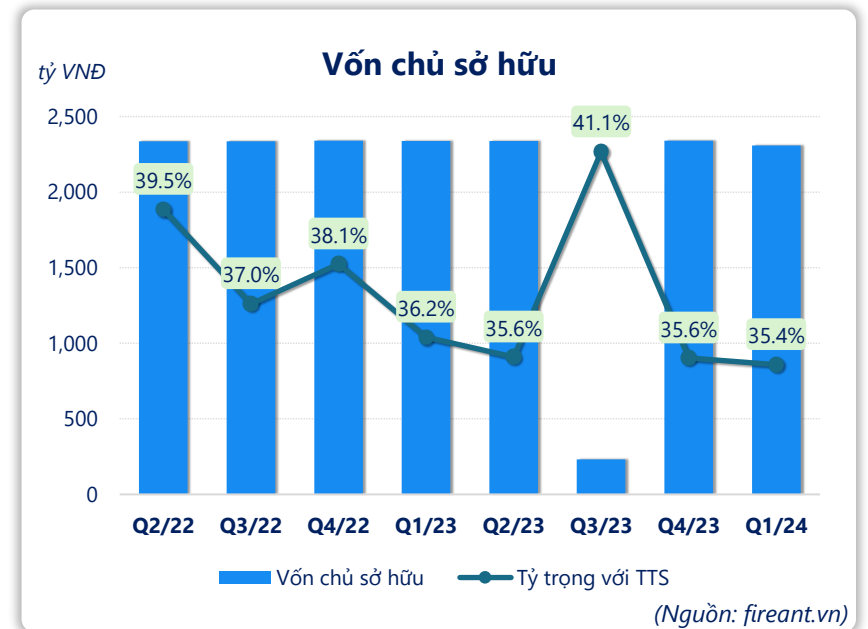
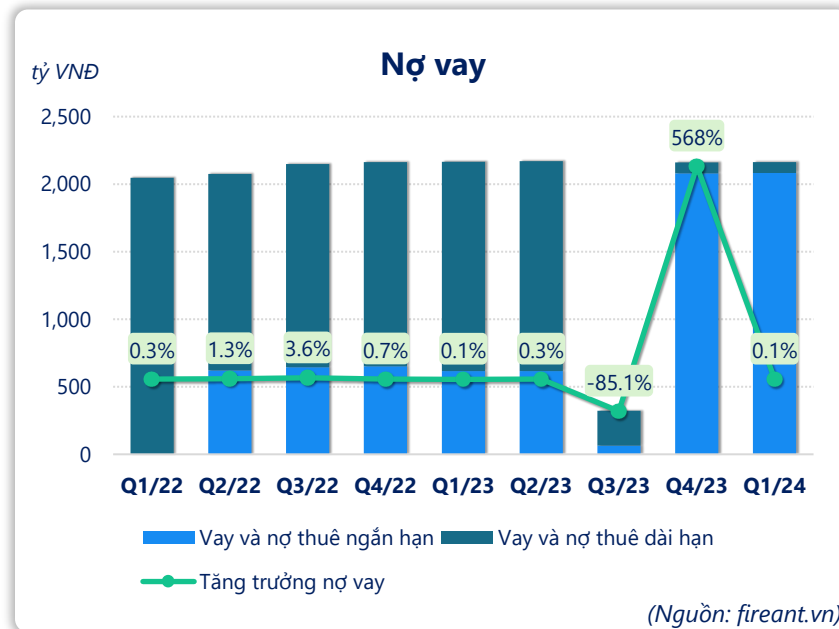
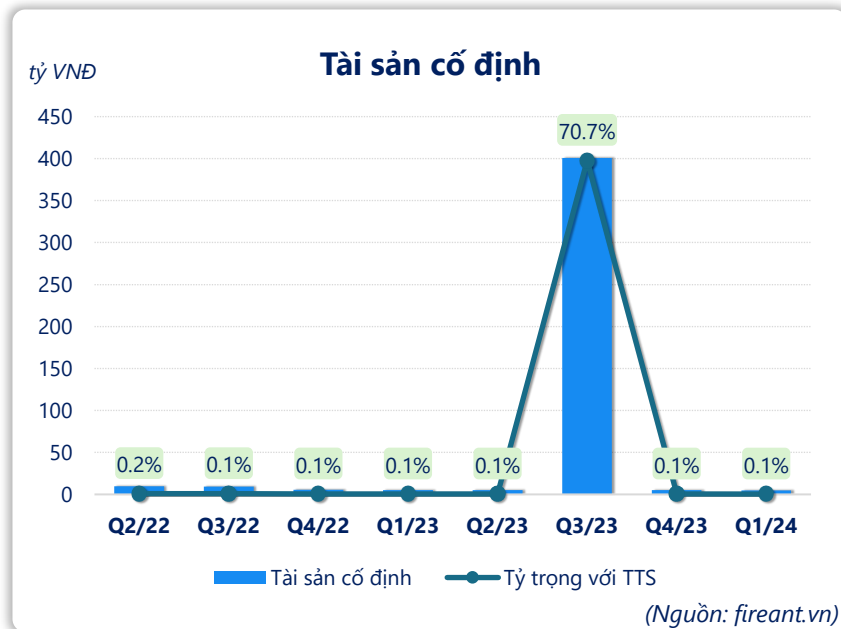
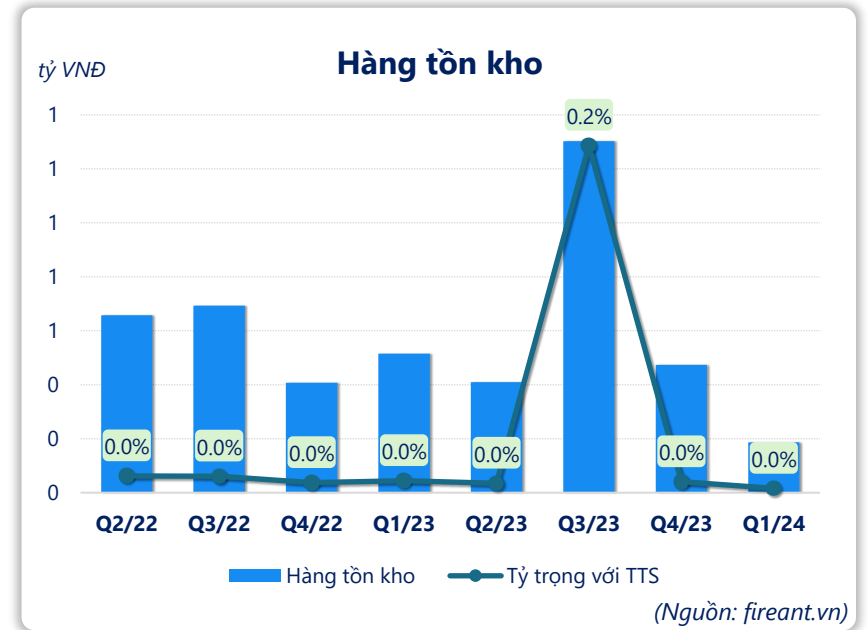
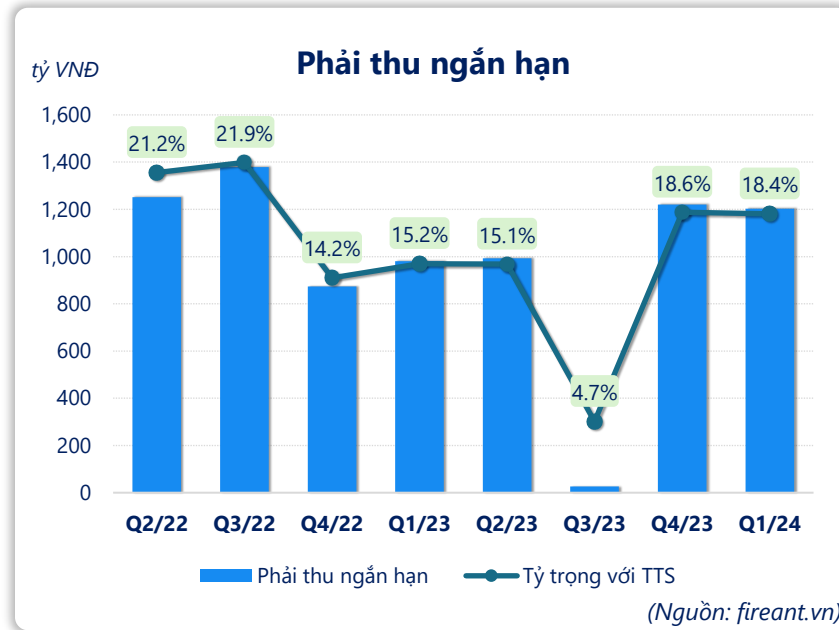
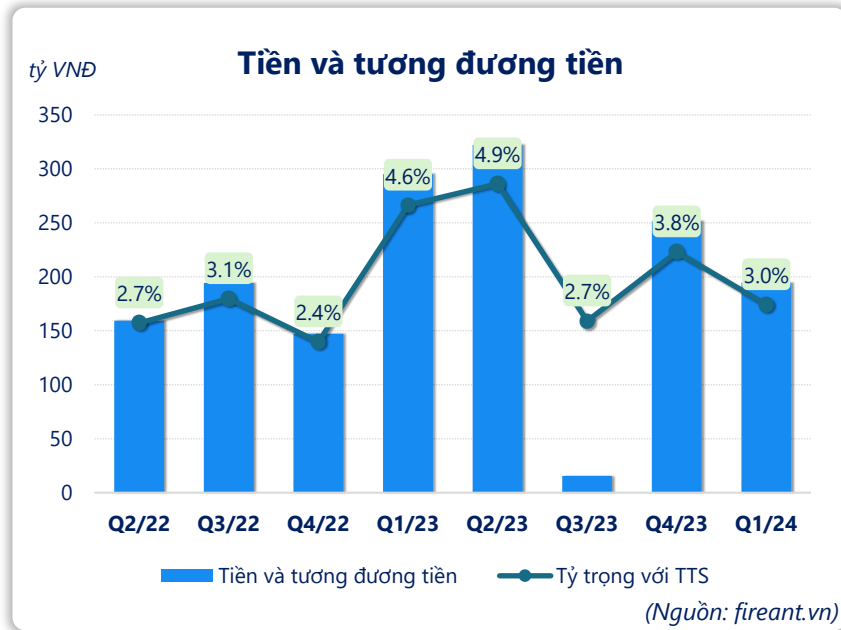
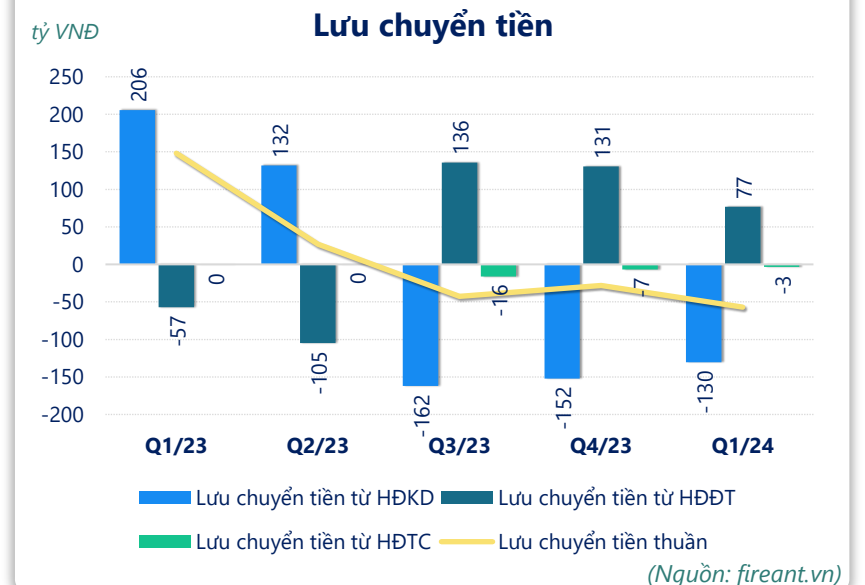
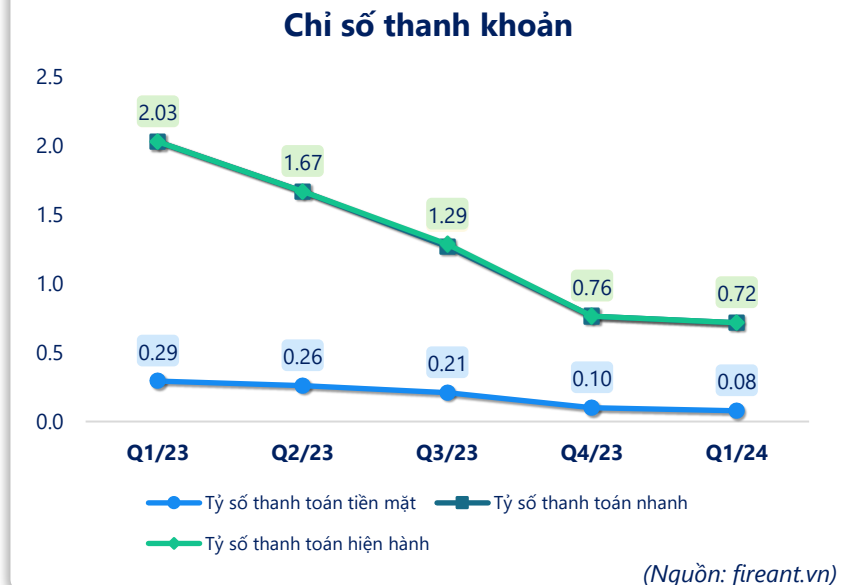
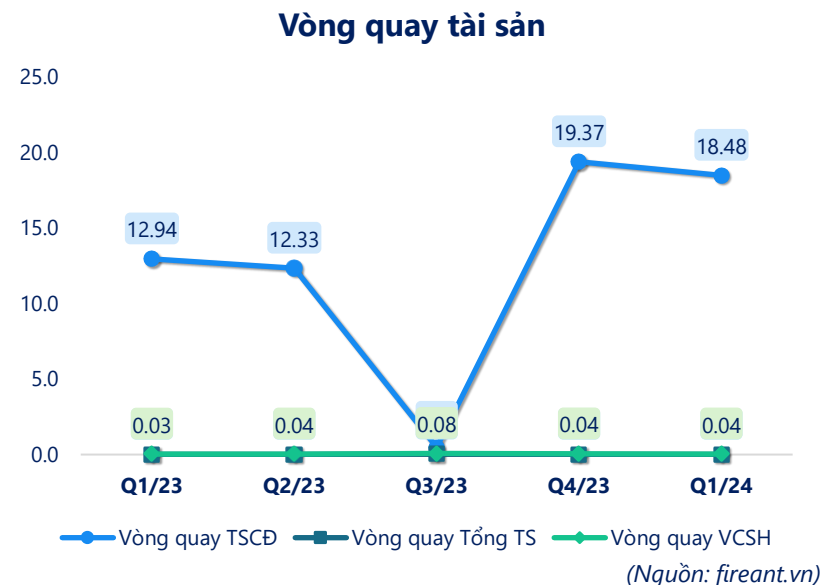
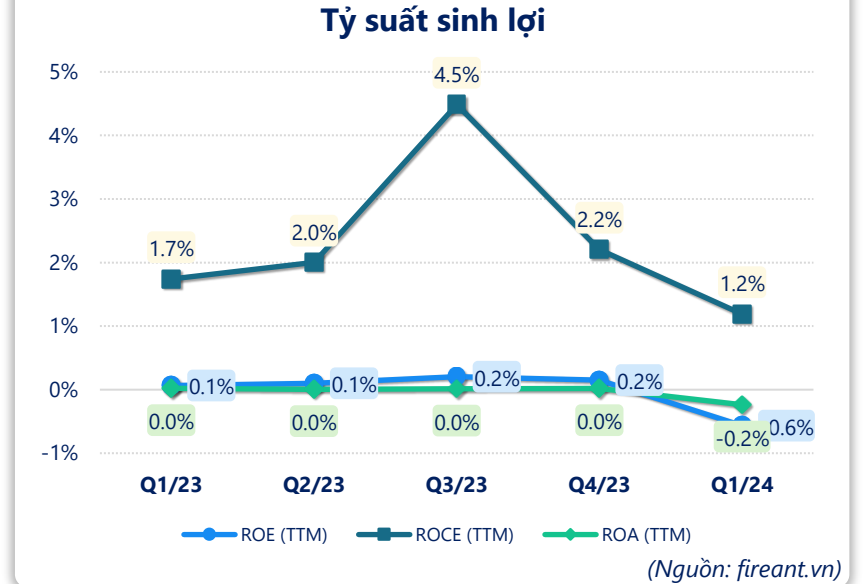
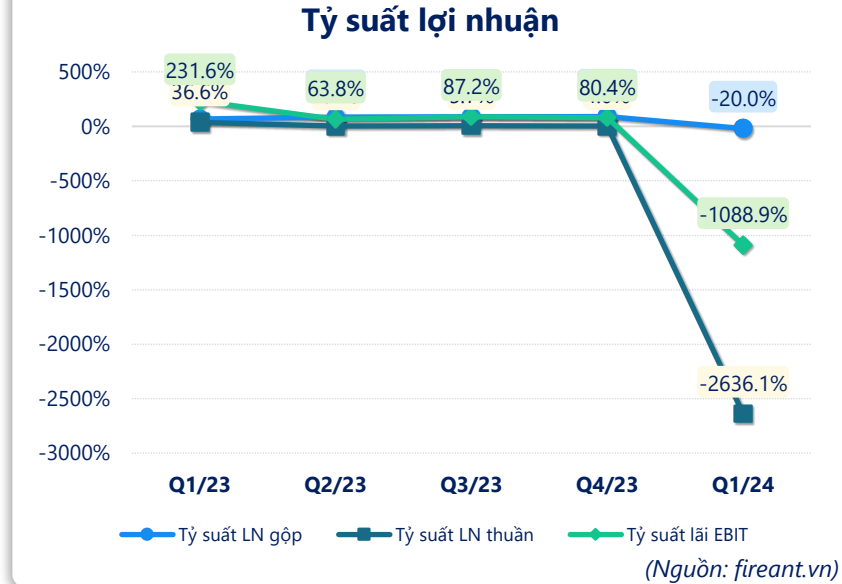
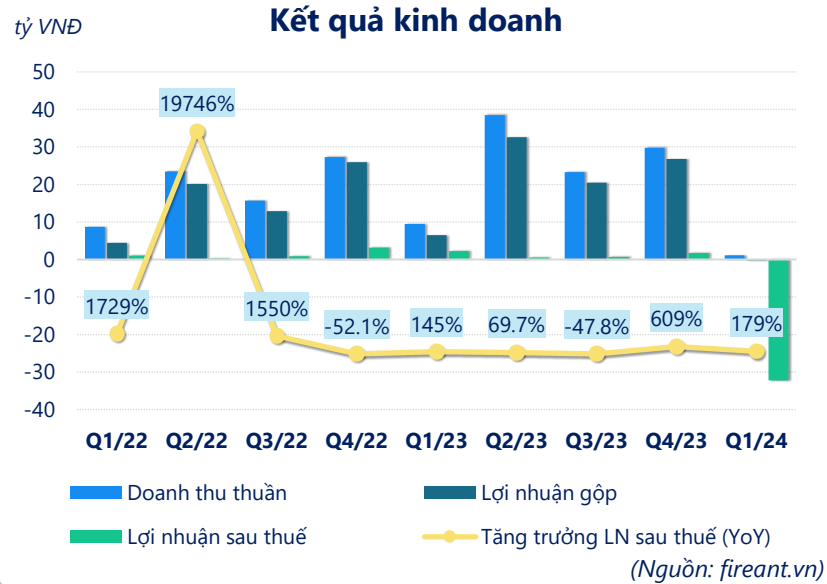


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,300
SL cổ phiếu LH		91,804,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)		289,435
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,138
P/E		-86.5
EPS		-143

	YTD	1T	3T	6T
HTP	-42.9%	-6.8%	-39.5%	-59.5%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,517	6,575	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	1,789	1,930	-7.3%
Tiền và tương đương tiền	195	251	-22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	195	260	-25.0%
Phải thu ngắn hạn	1,202	1,220	-1.5%
Hàng tồn kho	0.19	0.47	-60.6%
Tài sản ngắn hạn khác	197	197	-0.3%
Tài sản dài hạn	4,728	4,646	1.8%
Phải thu dài hạn	0.49	0.43	14.4%
Tài sản cố định	4.75	4.96	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,525	4,445	1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.18	0.17	4.6%
Tài sản dài hạn khác	198	194	1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,208	4,234	-0.6%
Nợ ngắn hạn	2,497	2,523	-1.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,083	2,080	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.0	89.4	6.3%
Nợ dài hạn	1,711	1,711	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.1	80.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,309	2,342	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	2,309	2,342	-1.4%
Vốn điều lệ	918	918	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	9.49	38.5	23.3	29.8	1.14
Giá vốn hàng bán	2.96	5.88	2.82	2.96	1.37
Lợi nhuận gộp	6.52	32.6	20.5	26.8	-0.23
Doanh thu HĐTC	30.3	18.0	25.5	23.7	15.0
Chi phí TC	30.1	46.3	39.4	40.4	39.3
Chi phí lãi vay	18.4	23.5	19.0	21.4	19.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	0	0	0	0.03
Chi phí QLDN	3.21	3.67	5.23	8.92	5.42
LN thuần từ HĐKD	3.48	0.67	1.32	1.20	-30.0
Lợi nhuận khác	0.12	0.36	-0.03	1.34	-1.97
LN trước thuế	3.59	1.04	1.29	2.54	-32.0
Lợi nhuận sau thuế	2.22	0.55	0.70	1.69	-32.2
LNST của CĐ cty mẹ	1.29	0.39	0.51	1.34	-15.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	206	132	-162	-152	-130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.0	-105	136	131	76.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.37	-0.02	-16.1	-6.58	-3.21
Tiền đầu kỳ	147	295	322	280	251
Lưu chuyển tiền thuần	148	26.7	-42.4	-28.0	-57.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	295	322	280	251	195

(Nguồn: fireant.vn)